TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13 – VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 04-8-2025
"*V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con* "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 – VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Sơn Ken
- Bà Ngô Thị Oanh Kiều

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Bích Vân là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13 - Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát khu vực 13 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn An, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2025 tại Tòa án nhân dân khu vực 13 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai với hình thức trực tuyến tại hai điểm cầu, điểm cầu trung tâm tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 - Vĩnh Long và điểm cầu thành phần tại trụ sở UBND xã H, tỉnh Vĩnh Long, vụ án thụ lý số 239/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2025 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2025/QĐXXST-HN ngày 17/7/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Dương Thị Mộng T, sinh năm 1985. Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh; Nay là ấp B, xã H, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

- Bị đơn: Anh Lê Văn L, sinh năm 1976. Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh; Nay là ấp B, xã H, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

Ngoài ra, có sự tham gia hỗ trợ phiên toà trực tuyến tại điểm cầu thành phần: Ông Nguyễn Trường D, cán bộ tư pháp xã H, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/5/2025, các lời khai cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn Dương Thị Mộng T trình bày và có yêu cầu như sau:

- Vào năm 2003 chị và anh Lê Văn L xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (cũ). Trong thời gian chung sống thì phát sinh mâu thuẫn bất đồng quan điểm cải vả do anh L thay đổi tính tính không chăm lo cho gia đình, nhiều lần có lời lẻ xúc phạm chị, chị nhiều lần khuyên nhưng tính tình anh L không thay đổi, mâu thuẫn ngày càng gay gắt nên chị bỏ đi sống riêng, ly thân từ tháng 02/2025, đến nay tình cảm vợ chồng không hòa thuận được, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên chị yêu cầu ly hôn với anh Lê Văn L.

- Về con chung tên: Lê Thị Huỳnh N, sinh ngày 28/01/2004, Lê Dương Phúc T1, sinh ngày 31/5/2018. Hiện Lê Thị Huỳnh N đã thành niên nên chị T không yêu cầu giải quyết; đối với Lê Dương Phúc Thế T2 chị T yêu cầu được nuôi.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và số nợ phải thu, phải trả: Chị T không tranh chấp nên không yêu cầu giải quyết, chị không có yêu cầu khác.

Bị đơn Lê Văn L vắng mặt nhưng quá trình giải quyết anh L có lời khai, trình bày như sau:

- Về hôn nhân: Anh thống nhất trình bày của chị Dương Thị Mộng T về hôn nhân anh chị chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định; về việc chị T yêu cầu ly hôn, anh L không đồng ý, anh yêu cầu được hàn gắn.

- Về con chung tên: Lê Thị Huỳnh N, sinh ngày 28/01/2004, Lê Dương Phúc T1, sinh ngày 31/5/2018; đối với Huỳnh N đã thành niên anh L không yêu cầu giải quyết; đối với Phúc T1, anh L đồng ý để chị T nuôi.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh L không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và số nợ phải thu, phải trả: Anh L không tranh chấp nên không yêu cầu giải quyết, anh không có yêu cầu khác.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Về thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần phiên họp, thành phần hòa giải và thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đều thực hiện đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tống đạt đầy đủ, hợp lệ cho các đương sự và xét thấy các bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Dương Thị Mộng T ly hôn với anh Lê Văn L ly hôn và đề nghị giao con chung tên Lê Dương Phúc T1, sinh ngày 31/5/2018 cho chị T được quyền nuôi dưỡng.

Đối với con tên Lê Thị Huỳnh N, sinh ngày 28/01/2004 đã thành niên, chị T, anh L không tranh chấp nên không xem xét. Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung, nợ chung các đương sự không tranh chấp nên đề nghị không xem xét. Về án phí hôn nhân sơ thẩm căn cứ vào 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, đề nghị buộc chị T nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Xét đơn của chị Dương Thị Mộng T khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con đối với anh Lê Văn L, địa chỉ ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Nay là ấp B, xã H, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật giải quyết là "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về hôn nhân: Xét thấy chị Dương Thị Mộng T và anh Lê Văn L chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Căn cứ vào Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình xác định hôn nhân của chị T và anh L là hợp pháp.

Quá trình chung sống giữa chị T và anh L xảy ra mâu thuẫn bất đồng quan điểm về cách ứng xử, anh L không quan tâm chăm lo gia đình, mâu thuẫn hai bên không hoà thuận được nên anh chị sống ly thân với nhau từ tháng 02/2025 đến nay. Quá trình giải quyết anh L có nộp văn bản ý kiến cho rằng còn thương chị T nên không đồng ý ly hôn; chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, không hàn gắn được nên giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh L. Xét thấy, sau khi chị T và anh L không còn chung sống với nhau đến nay thì mỗi người có cuộc sống riêng, không còn tin tưởng, không quan tâm chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; anh L yêu cầu hàn gắn lại nhưng anh không đến tham dự phiên hòa giải mà không có lý do nên không tiến hành hòa giải hàn gắn được và xét thấy việc anh L vắng mặt thể hiện không có thiện chí hàn gắn hôn nhân với chị T.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh L ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Dương Thị Mộng T.

[3] Về con chung tên: Lê Thị Huỳnh N, sinh ngày 28/01/2004, Lê Dương Phúc T1, sinh ngày 31/5/2018; đối với Huỳnh N đã thành niên, chị T, anh L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; đối với Phúc T1, anh L đồng ý để chị T nuôi, anh L không tranh chấp về việc nuôi con.

Do đó, Hội đồng xét xử, căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, giao con tên Lê Dương Phúc T1, sinh ngày 31/5/2018 cho chị T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục con sau khi ly hôn là đảm bảo cuộc sống của con và phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án chị T và anh L không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về tài sản chung của vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả: Xét thấy trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết chị T và anh L không tranh chấp, không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc chị T phải nộp 300.000 đồng.

[7] Xét lời phát biểu của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp nhận định Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Mộng T.

- Về hôn nhân: Xử cho chị Dương Thị Mộng T ly hôn với anh Lê Văn L.

- **Về con chung tên**: Giao chị Dương Thị Mộng T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Lê Dương Phúc T1, sinh ngày 31/5/2018.

Đối với Lê Thị Huỳnh N, sinh ngày 28/01/2004, đã thành niên nên chị T, anh L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Anh Lê Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T và anh L không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung của vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả: Xét thấy trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết chị T và anh L không tranh chấp, không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Dương Thị Mộng T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm

đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0011762 ngày 27/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang. Chị T đã nộp đủ.

- Về quyền kháng cáo: Chị Dương Thị Mộng T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Văn L vắng mặt tại phiên toà nên có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết công khai theo quy định.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 13-Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 13-Vĩnh Long;
- UBND xã Hiệp Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Thoa